TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2018
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải.

Ông Nguyễn Viết Thanh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 36, Tổ 10, ấp T, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đoàn Minh Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 36, Tổ 10, ấp T, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự chị Dương Thị H có mặt, anh Đoàn Minh Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-01-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đoàn Minh Th kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12-12-2002. Thời gian qua vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th cờ bạc, cá độ và thường xuyên uống rượu về chữi và còn đánh đập vợ, con nên chị H và anh Th đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh Th có tìm cách hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị H và anh Th có sinh 02 con chung tên Đoàn P, sinh ngày 27-02-1994 và Đoàn Thị T2, sinh ngày 11-9-2003 hiện nay con chung đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị T2, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Đoàn P đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đoàn Minh Th đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đoàn Minh Th có địa chỉ tại xã T1, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, anh Đoàn Minh Th đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Th chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 1992 nên hôn nhân của chị H và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa chị H trình bày từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay chị H và anh Th không còn ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối với anh Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa chị H xác định chị H và anh Th có sinh 02 con chung tên Đoàn P, sinh ngày 27-02-1994 và Đoàn Thị T2, sinh ngày 11-9-2003 hiện nay con chung đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị T2 và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong khoảng thời gian chị H và anh Th sống xa nhau cháu T2 sống chung với chị H, cháu T2 đã được chăm sóc và ổn định cuộc sống hơn nữa cháu T2 là gái nên cháu cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ là điều kiện cần thiết cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu cho đến tuổi trưởng thành. Đồng thời cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Đối với con chung tên Đoàn P đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H. Chị H được ly hôn với anh Đoàn Minh Th.

- Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H, tiếp tục giao con chung tên Đoàn Thị T2, sinh ngày 11-9-2003 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con chung đang sống với chị H. Đối với con chung tên Đoàn P đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số

04907 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Anh Đoàn Minh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Chị Dương Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đoàn Minh Th được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- CCTHA TPCL;
- UBND xã T1, thành phố C
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thị Thơm